

Bản án số: 06/2018/HSST  
Ngày 24-01-2018

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Cao Văn Tuấn

*Thẩm phán:* Bà Trần Minh Phương

*Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Đỗ Xuân Quyết.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Ông Trần Thế Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 164/2017/HSST ngày 09 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01 tháng 09 năm 1969 tại Hải Phòng.

Nơi ĐKKHKT: Số 37 Ngô Gia U, phường L, quận A, thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: Số 15/25 Nguyễn Á, phường B, quận A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ Ban tiếp công dân của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1944 và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1949; có vợ là Lại Thị O, sinh năm 1970 và có 02 con: Lớn nhất sinh năm 1999; nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 23 tháng 6 năm 2017; có mặt.

***- Người bào chữa cho bị cáo:*** Bà Trịnh Thị D - Luật sư của Công ty Luật Trịnh Khắc Triệu thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị hại:***

1. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1952, trú tại: Tổ dân phố số X, phường Ni, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.
2. Anh Lê Xuân Kh, sinh năm 1980, trú tại: Số 3A/190 LL, phường MC, quận Ng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
3. Bà Phạm Thị Th1, sinh năm 1956, trú tại: Số 3 ngõ 190 LL, phường MC, quận Ng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
4. Ông Nguyễn Minh Th2, sinh năm 1967, trú tại: Số 5 ngõ 190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
5. Ông Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1953; trú tại: Số 3/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
6. Ông Nguyễn Công V, sinh năm 1945, trú tại: Số 7 phụ 2 ngõ 190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
7. Ông Phạm Thanh D1, sinh năm 1954, trú tại: Số 14/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
8. Ông Đặng Quang T1, sinh năm 1952, trú tại: Số 1A/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
9. Ông Lê Đình D1, sinh năm 1947; trú tại: Số 13/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
10. Bà Lưu Thị Lan Ph1, sinh năm 1965, trú tại: Số 2/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
11. Ông Nguyễn Văn Th3, sinh năm 1941, trú tại: Số 16/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.
12. Chị Đặng Thị Th4, sinh năm 1978; ĐKNKTT: Số 455/279 Cầu Tre, phường Cầu Tre, quận NQ, thành phố Hải Phòng, chỗ ở: Số 11/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
13. Ông Phan V, sinh năm 1960, trú tại: Số 4/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
14. Ông Lê Văn M1, sinh năm 1959, trú tại: Số 3/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
15. Anh Đoàn Việt H1, sinh năm 1978, trú tại: Số 14/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
16. Ông Nguyễn L1, sinh năm 1947, trú tại: Số 9/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
17. Ông Lê Văn Q1(tên gọi khác: Lê Q1), sinh năm 1948, trú tại: Số 42/11 đường M2, phường K2, quận H3, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
18. Chị Lê Thị Th5, sinh năm 1970, trú tại: Số 13/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
19. Bà Nguyễn Thị Th6, sinh năm 1949, trú tại: Số 17/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
20. Ông Phạm Anh T2, sinh năm 1956, trú tại: Số 6/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

21. Bà Nguyễn Thị Minh L2, sinh năm 1943, trú tại: Số 2/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

22. Bà Trần Thị Th7, sinh năm 1958, trú tại: Số 12/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

23. Ông Nguyễn Anh T3, sinh năm 1962, trú tại: Số 5/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

24. Ông Vũ Minh H3, sinh năm 1947, trú tại: Số 1/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

25. Ông Phạm Hữu T4, sinh năm 1941, trú tại: Số 15/11/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

26. Bà Lê Thị B2, sinh năm 1947, trú tại: Số 12/1/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

27. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1950, trú tại: Số 8/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

28. Bà Phạm Thị T5, sinh năm 1950, trú tại: Số 10/2/190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

29. Bà Bùi Thị Thùy D1, sinh năm 1968; ĐKNKTT: Số 5/14 L3, phường MK, quận HB, thành phố Hải Phòng; trú tại: Lô 6 Trần H4, phường ĐH, quận HA, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

30. Ông Phạm Văn S1, sinh năm 1967; ĐKNKTT: Số 42/78 CĐ, phường CĐ, quận NQ, thành phố Hải Phòng; trú tại: Số 17 ngõ 152 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

31. Bà Đồng Thị L6, sinh năm 1945; trú tại: Số 6 phụ 2 ngõ 190 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Những người làm chứng:*

1. Ông Phạm Thanh Th8, sinh năm 1948, trú tại: Số 2/30/152 LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh Bùi Đức V3, sinh năm 1980, trú tại: Số 01/72/239 đường L9i, phường L9, quận NQ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Tùng Ch1, sinh năm 1984, trú tại: Tổ 2 phường Nh5, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Kiên, sinh năm 1958, trú tại: Số 883 tổ 5 phường ĐH3, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về việc bị cáo Nguyễn Quốc T chiếm đoạt 90.000.000 đồng của 30 hộ dân:

Vào năm 1993, Viện nghiên cứu Hải sản thành phố Hải Phòng cấp 70 căn nhà và 30 mảnh đất tại ngõ 190 đường LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng (thuộc tổ dân phố số 28) cho 100 gia đình là cán bộ công tác tại Viện nghiên cứu Hải sản. Đến năm 2015, đã có 70 hộ dân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, còn 30 hộ được cấp đất thì chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Phạm Thanh Th8, sinh năm 1948, trú tại: Số 02/30/152 đường LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng là Tổ trưởng tổ dân phố cùng ông Nguyễn L1, sinh năm 1947, trú tại: Số 09 phụ 2 ngõ 190 đường LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng được tổ dân phố giao trách nhiệm liên hệ với các cơ quan chức năng làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 30 hộ là: Lê Xuân Khánh, Phạm Thị Th1, Nguyễn Minh TH, Lê Văn Quảng, Nguyễn Thị Minh L2, Lê Văn M1, Phan V, Nguyễn Anh T3, Phạm Anh T2, Lê Thị B2, Đặng Quang T1, Vũ Minh H3, Lưu Thị Lan Ph1, Nguyễn Văn Qu, Đồng Thị L6 (đại diện bà Lưu Thị Lan Ph1), Nguyễn Công V, Nguyễn Văn C1, Nguyễn L1, Phạm Thị T5, Đặng Thị Th4, Lê Đình D1, Phạm Thanh D1, Phạm Hữu T4, Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Thị Th6, Trần Thị Th7, Lê Thị Th5, Đoàn Đức Thoi (đại diện ông Đoàn Việt H1), Đỗ Thị Thành (đại diện Bùi Thị Thùy D1) và Nguyễn Thị Phương (đại diện ông Phạm Văn S1).

Do có mối quan hệ từ trước và tin tưởng Nguyễn Quốc T là cán bộ tại Ban tiếp công dân thành phố Hải Phòng nên ông Thao, ông Long đã gặp Nguyễn Quốc T đặt vấn đề nhờ Tuấn làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 30 hộ dân trên. Nguyễn Quốc T biết việc ông Thao, ông Long nhờ Tuấn không có khả năng giúp, nhưng do khi đó Tuấn cần tiền để trả các khoản vay do làm ăn thua lỗ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Thao, ông Long. Để thực hiện ý định trên, Tuấn nhận lời làm Giấy chứng nhận quyền sử hữu đất cho 30 hộ dân trên với điều kiện phải tạm ứng trước cho Tuấn 90.000.000 đồng để Tuấn làm kinh phí. Ông Thao, ông Long tin tưởng Tuấn nên đã tổ chức họp thông báo cho 30 hộ dân, các hộ nhất trí bầu ông Nguyễn L1 làm Tổ trưởng, ông Phạm Thanh Th8, ông Nguyễn Công V cùng tham gia và bà Phạm Thị Th1 làm thủ quỹ. Từ ngày 18 tháng 3 năm 2015 đến ngày 20 tháng 3 năm 2015, bà Phạm Thị Th1 đã thu của 30 hộ dân, mỗi hộ 3.000.000 đồng được tổng số tiền là 90.000.000 đồng. Số tiền trên bà Thu cùng ông Long, ông Vĩnh đã giao cho Tuấn 5 lần tại nhà ông Long, cụ thể: Ngày 16 tháng 3 năm 2015, Tuấn đi cùng Nguyễn Đức V3, sinh năm 1980, trú tại: Số 01/72/239 đường Lê Lợi, quận NQ, thành phố Hải Phòng là bạn của Tuấn đến nhận 15.000.000 đồng; các lần sau Tuấn đều gọi điện cho ông Long trước và nhờ Nguyễn Đức V3 đến nhận mang về đưa cho Tuấn, cụ thể: Ngày 19 tháng 3 năm 2015 lấy 35.000.000 đồng, ngày 21 tháng 3 năm 2015 lấy 20.000.000 đồng, ngày 11 tháng 4 năm 2015 lấy 10.000.000 đồng, ngày 16 tháng 4 năm 2015 lấy 10.000.000 đồng. Số tiền 90.000.000 đồng trên Tuấn đã sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân hết. Ông Thao đã nhiều lần yêu cầu Tuấn trả lại số tiền trên nhưng Tuấn không trả nên 30 hộ dân có đơn trình báo đến Cơ quan điều tra.

2. Về việc Nguyễn Quốc T chiếm đoạt 1.650.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Nh:

Khoảng 08 giờ ngày 25 tháng 9 năm 2015, tại Ban tiếp công dân thành phố Hải Phòng, Nguyễn Quốc T tiếp ông Nguyễn Văn Nh cùng ông Nguyễn Tùng Ch1, sinh năm 1984 đến gửi đơn kiến nghị yêu cầu nhà nước bồi thường thêm cho các công trình được xây dựng trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản tại đảo Vũ Yên thuộc quận H, thành phố Hải Phòng do ông Nh thuê bị nhà nước thu hồi làm dự án.

Sau khi xem xong nội dung đơn kiến nghị của ông Nh biết ông Nh vừa nhận 2.736.446.840 đồng tiền Nhà nước bồi thường nên Nguyễn Quốc T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông Nh. Để thực hiện ý định trên Tuấn đã gọi điện cho ông Phạm Chí B7 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hải Phòng hỏi về việc bồi thường và được ông Bắc cung cấp trường hợp ông Nguyễn Văn Nh đã được giải quyết đền bù và nhận tiền theo đúng quy định của pháp luật. Mặc dù, biết việc khiếu kiện của ông Nh không có kết quả, nhưng Tuấn vẫn bảo ông Nh có thể giải quyết được việc bồi thường thêm và nhận hồ sơ do ông Nh đưa. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Tuấn gọi điện thoại hẹn ông Nh đến quán Cà phê số 229 đường NGT, quận H, thành phố Hải Phòng. Tại quán cà phê, T đã dùng thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối và hứa giúp ông Nh nhận được số tiền bồi thường trên 10 tỷ đồng, cụ thể: 15% hỗ trợ đất bằng 7.017.773.000 đồng; nhà ở và các công trình khác còn thiếu 726.662.000 đồng, cây trồng và các khoản khác là 1.900.000.000 đồng. Nhưng với điều kiện ông Nh phải đưa trước cho Tuấn một số tiền, ông Nh tin và đồng ý với yêu cầu của Tuấn. Từ ngày 25 tháng 9 năm 2015 đến ngày 9 tháng 10 năm 2015, Tuấn liên tiếp yêu cầu ông Nh chuyển tiền và đã nhận của ông Nh số tiền là 450.000.000 đồng. Nhằm tạo niềm tin để ông Nh tiếp tục giao tiền, Tuấn đã bố trí xe ô tô đưa ông Nh lên Hà Nội để gửi đơn tại Ban tiếp dân Trung ương, sau đó ông Nh tiếp tục đưa cho Tuấn 1.200.000.000 đồng theo yêu cầu của Tuấn. Tính đến ngày 04 tháng 02 năm 2016, tổng số tiền ông Nh đưa cho Tuấn là 1.650.000.000 đồng. Sau khi đưa số tiền trên cho Tuấn, nhưng không được giải quyết bồi thường, ông Nh đã yêu cầu Tuấn trả lại tiền, nhưng Tuấn không trả nên ông Nh có đơn trình báo đến Cơ quan điều tra. Trong quá trình Cơ quan điều tra giải quyết, vào khoảng cuối tháng 02 năm 2017, Nguyễn Quốc T trả cho ông Nh 20.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quốc T khai nhận như trên và khai: Sau khi nhận 90.000.000 đồng của 30 hộ dân và nhận của ông Nh 1.650.000.000 đồng Tuấn không thực hiện bất cứ việc gì để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 30 hộ dân và giúp cho ông Nh được nhận thêm tiền bồi thường như đã thỏa thuận, mà dùng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến nay, Tuấn không có khả năng thanh toán.

Đối với việc bà Lã Thị Thìn, sinh năm 1951, trú tại: Số 02/32 đường Điện Biên Phủ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tố giác Nguyễn Quốc T có hành vi chiếm đoạt 250.000.000 đồng trong việc xin việc, hiện vụ việc trên đang được Cơ quan điều tra Công an quận Hải An giải quyết đến nay chưa có kết quả.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nh và 30 người bị hại thuộc tổ dân phố số 28 ngõ 190 đường LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng yêu cầu Nguyễn Quốc T trả lại toàn bộ số tiền Tuấn đã chiếm đoạt.

Bản Cáo trạng số 165/CT-VKS-P3 ngày 08/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố Nguyễn Quốc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Quốc T, xử phạt:

Nguyễn Quốc T: Từ 14 năm tù đến 16 năm tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường tổng số tiền 1.720.000.000 đồng cho những bị hại, gồm: Bồi thường cho 30 bị hại tổng số tiền 90.000.000 đồng (mỗi người 3.000.000 đồng) và bồi thường cho ông Nh tổng số tiền 1.630.000.000 đồng.

*Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T:*

Không tranh luận về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, Luật sư phân tích nguyên nhân, hoàn cảnh dẫn đến bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội một phần cũng bắt nguồn từ người bị hại Nguyễn Văn Nh. Thời điểm ông Nh được bồi thường tiền do thuê đất bị Nhà nước thu hồi làm dự án, ông đã không kiểm tra, so sánh với những hộ được bồi thường tương tự mà làm đơn khiếu nại nộp lên Ban tiếp công dân thành phố. Chính vì đang lâm vào hoàn cảnh nợ nần nên bị cáo sau khi biết ông Nh đã được bồi thường số tiền lớn mới nảy sinh ý định lấy số tiền của bị hại, tuy nhiên trong suốt thời gian dài, ông Nh không làm đơn tố cáo bị cáo ngay mà phải sau đó rất lâu, sau khi đã đòi bị cáo trả lại tiền nhiều lần. Do đó, hai bên đã hình thành giao dịch dân sự. Bị cáo không hề có ý định chiếm đoạt tiền của những người bị hại. Đối với ông Nh bị cáo đã thu xếp trả lại 20.000.000 đồng, còn 30 hộ dân trên bị cáo không tìm cơ hội phạm tội mà xuất phát từ việc họ cần thanh lý nhà đất. Bị cáo cũng đã nhiều lần trả lại tiền cho họ nhưng không có điều kiện trả đủ, vì vậy mà đại diện của 30 hộ dân trên không nhận. Mặt khác, Luật sư phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Phạm tội lần đầu, tại phiên tòa thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bản thân bị cáo trong quá trình làm việc tại Ban tiếp công dân của Ủy ban nhân dân thành phố đã có nhiều thành tích trong công tác như được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở nhiều năm liền; gia đình bị cáo có công với cách mạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt cao nhất cao hơn khởi điểm của khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc để quyết định hình phạt đối với bị cáo.

*Quan điểm của bị hại:*

- Ông Nguyễn Văn Th1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả cho ông số tiền 3.000.000 đồng trong tổng số tiền 90.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của 30 hộ dân. Về hình phạt, ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn Nh đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho ông tổng số tiền 1.630.000.000 đồng. Về hình phạt, ông đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc T có lời nói sau cùng gửi lời xin lỗi tới tất cả những người bị hại, mong Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người làm chứng và phù hợp những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định:

+ Về việc chiếm đoạt số tiền 90.000.000 đồng của 30 người dân tại ngõ số 190 đường LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng:

Xuất phát từ việc 30 người dân tại ngõ số 190 đường LL, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng chưa được thanh lý nhà đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, tất cả các hộ trên đã hợp, thống nhất cử ông Phạm Thanh Th8 là tổ trưởng và ông Nguyễn L1 là một trong số 30 người bị hại trên liên hệ với cơ quan chức năng để được cấp giấy chứng nhận. Do có mối quan hệ từ trước và tin tưởng Nguyễn Quốc T là cán bộ tại Ban tiếp công dân thành phố Hải Phòng nên ông Thao, ông Long đã gặp Nguyễn Quốc T đặt vấn đề nhờ Tuấn làm giúp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 30 hộ dân. Nguyễn Quốc T tuy không có khả năng giúp được nhưng do cần tiền để trả các khoản vay làm ăn thua lỗ nên đã lợi dụng sự tin tưởng của những người bị hại, nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của họ. Tuấn nhận lời làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giúp cho 30 hộ

dân trên với điều kiện là họ phải ứng cho T trước một số tiền để làm kinh phí. Do đó, tất cả 30 hộ dân đã tin tưởng và nhất trí đóng mỗi hộ 3.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng giao thành nhiều lần cho Tuấn. Sau khi biết Tuấn không có khả năng làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì 30 hộ dân đã yêu cầu Tuấn trả lại nhưng Tuấn không trả.

+ Về việc chiếm đoạt số tiền 1.650.000.000 đồng của người bị hại Nguyễn Văn Nh:

Khoảng 8 giờ ngày 25/9/2015, tại Ban tiếp công dân thành phố Hải Phòng, Nguyễn Quốc T tiếp ông Nguyễn Văn Nh đến gửi đơn kiến nghị yêu cầu nhà nước bồi thường thêm cho các công trình được xây dựng trên diện tích đất nuôi trồng thủy sản của gia đình ông. Sau khi xem đơn, mặc dù T biết không thể giúp ông Nh nhưng thấy ông Nh vừa nhận số tiền bồi thường lớn nên T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông. Để tạo niềm tin với ông Nh, T đã nhận đơn và bảo ông Nh là có thể giải quyết được. Sau đó, Tuấn gọi điện thoại hẹn ông Nh tại quán cà phê trên đường NGT, quận Hải An, thành phố Hải Phòng để nói chuyện. Tại quán, Tuấn hứa giúp ông Nh nhận được số tiền bồi thường trên 10 tỷ đồng nhưng với điều kiện ông Nh phải đưa trước cho Tuấn một số tiền. Ông Nh đã tin tưởng và giao cho T tổng cộng 1.650.000.000 đồng giao thành nhiều lần. Sau khi thấy T không thể giúp được cho ông nên ông Nh đã yêu cầu Tuấn trả lại tiền nhưng T không trả. Do đó, ông Nh đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

Do vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của những người bị hại mà còn làm mất trật tự an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3]. *Về tình tiết định khung hình phạt:* Bị cáo Nguyễn Quốc T mặc dù không có khả năng giúp những người bị hại nhưng vẫn nhận giúp họ, để những người bị hại tin tưởng và giao tiền cho bị cáo. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 1.740.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4]. *Về hình phạt:* Bị cáo chiếm đoạt tiền của những người bị hại trong một khoảng thời gian dài và nhiều lần. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong quá trình công tác tại Ban tiếp công dân của Ủy ban nhân dân thành phố, bị



cáo đã nhiều năm liền đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; mặt khác, bị cáo có bố mẹ đều tham gia kháng chiến và được tặng Huân, Huy chương kháng chiến. Trong quá trình Cơ quan điều tra giải quyết vụ án, bị cáo Nguyễn Quốc T có trả cho ông Nh số tiền 20.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5]. *Về dân sự*: Những bị hại có mặt tại phiên tòa đều khẳng định số tiền bị cáo Nguyễn Quốc T chiếm đoạt của họ như bị cáo đã khai là đúng và đề nghị bị cáo phải trả lại cho họ số tiền trên. Những bị hại vắng mặt tại phiên tòa, lời khai của họ trong hồ sơ vụ án đều thể hiện bị cáo Nguyễn Quốc T đã chiếm đoạt số tiền như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra đã xác nhận và yêu cầu bị cáo phải trả cho họ số tiền này. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Quốc T đã thừa nhận toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại như lời khai của những người bị hại có mặt tại phiên tòa và những người bị hại vắng mặt là đúng. Bị cáo đồng ý trả cho những người bị hại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của những người bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật và buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải bồi thường cho những người bị hại số tổng tiền 1.720.000.000 đồng, gồm: Bồi thường cho 30 người bị hại tổng số tiền 90.000.000 đồng (mỗi người 3.000.000 đồng) và bồi thường cho ông Nh tổng số tiền 1.630.000.000 đồng.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T được Hội đồng xét xử chấp nhận về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Không chấp nhận quan điểm của Luật sư đề nghị xử phạt bị cáo theo khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quốc T thì cần xử phạt bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[6]. *Về án phí*: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7]. *Về quyền kháng cáo Bản án*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Quốc T.

Xử phạt: Nguyễn Quốc T: 15 (mười lăm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/6/2017.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuyên:

- Buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải trả cho những bị hại (31 người) tổng số tiền 1.720.000.000 (Một tỷ, bảy trăm hai mươi triệu) đồng, cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Số tiền
1	Ông Nguyễn Văn Nh	1.630.000.000 (một tỷ sáu trăm ba mươi triệu) đồng
2	Anh Lê Xuân Kh	3.000.000 (ba triệu) đồng
3	Bà Phạm Thị Th1	3.000.000 (ba triệu) đồng
4	Ông Nguyễn Minh Th2	3.000.000 (ba triệu) đồng
5	Ông Nguyễn Văn Qu	3.000.000 (ba triệu) đồng
6	Ông Nguyễn Công V	3.000.000 (ba triệu) đồng
7	Ông Phạm Thanh D1	3.000.000 (ba triệu) đồng
8	Ông Đặng Quang T1	3.000.000 (ba triệu) đồng
9	Ông Lê Đình D1	3.000.000 (ba triệu) đồng
10	Bà Lưu Thị Lan Ph1	3.000.000 (ba triệu) đồng
11	Ông Nguyễn Văn Th3	3.000.000 (ba triệu) đồng
12	Chị Đặng Thị Th4	3.000.000 (ba triệu) đồng
13	Ông Phan V	3.000.000 (ba triệu) đồng
14	Ông Lê Văn M1	3.000.000 (ba triệu) đồng
15	Anh Đoàn Việt H1	3.000.000 (ba triệu) đồng
16	Ông Nguyễn L1	3.000.000 (ba triệu) đồng
17	Ông Lê Văn Q1(tên gọi khác: Lê Q1)	3.000.000 (ba triệu) đồng
18	Chị Lê Thị Th5	3.000.000 (ba triệu) đồng
19	Bà Nguyễn Thị Th6	3.000.000 (ba triệu) đồng

20	Ông Phạm Anh T2	3.000.000 (ba triệu) đồng
21	Bà Nguyễn Thị Minh L2	3.000.000 (ba triệu) đồng
22	Bà Trần Thị Th7	3.000.000 (ba triệu) đồng
23	Ông Nguyễn Anh T3	3.000.000 (ba triệu) đồng
24	Ông Vũ Minh H3	3.000.000 (ba triệu) đồng
25	Ông Phạm Hữu T4	3.000.000 (ba triệu) đồng
26	Bà Lê Thị B2	3.000.000 (ba triệu) đồng
27	Ông Nguyễn Văn C1	3.000.000 (ba triệu) đồng
28	Bà Phạm Thị T5	3.000.000 (ba triệu) đồng
29	Bà Bùi Thị Thùy D1	3.000.000 (ba triệu) đồng
30	Ông Phạm Văn S1	3.000.000 (ba triệu) đồng
31	Bà Đồng Thị L6	3.000.000 (ba triệu) đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Quốc T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 63.600.000 (sáu mươi ba triệu sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại (có mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Trại tạm giam;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Tuấn**



